

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 39/2022/DS-ST

Ngày: 20/5/2022

V/v tranh chấp hội

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Hồng Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Kim Thị Sà Mết

2. Ông Hà Phú Quý

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công P vụ án Dân sự thụ lý số 182/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:* Ông Nguyễn B, sinh năm 1956 và bà Cao Thị C, sinh năm 1958. Cùng địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt).*

- *Đồng bị đơn:* Ông Lý Quốc E, sinh năm 1979 và bà Huỳnh Chúc Ê, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năm 2021, các lời P tại Tòa án, đồng nguyên đơn ông Nguyễn B, bà Cao Thị C thống nhất trình bày:* Ông Lý Quốc E và bà Huỳnh Chúc Ê có tham gia chơi 03 dây hội do ông A, bà C làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Mở ngày 10/3/2017 (âm lịch), loại hội mùa, 04 tháng khui một lần, trị giá 10.000.000 đồng/01 chung hội, có 14 thành viên tham gia chơi 16 phần hội. Ông E và bà Ê tham gia chơi 01 phần hội (danh sách hội ghi tên Vợ E số thứ tự số 4); bà Ê và ông E góp hội được 02 lần được tổng số tiền 11.500.000 đồng (lần thứ nhất góp tiền hội 6.000.000 đồng và lần thứ hai góp tiền hội 5.500.000 đồng); đến kỳ mở hội thứ ba (ngày 10/11/2017 âm lịch) bà Ê để số tiền 4.500.000 đồng hót 01 phần hội, các hội viên chưa hót hội góp số tiền 5.500.000 đồng; lĩnh được tổng số tiền hội là 91.500.000 đồng; giao tiền hội trên vào ngày 30/12/2017 âm lịch (có làm biên nhận có chữ ký của

bà Ê). Sau khi hốt hui, bà Ê và ông E góp lại tiền hui chết 03 lần được số tiền 30.000.000 đồng. Dây hui trên chưa mãn nhưng đã đình hui vào ngày 30/01/2019 (âm lịch). Các hui viên tham gia chơi dây hui trên có chung hui sống đã khởi kiện tại Tòa án và đã giải quyết xong để yêu cầu ông B, bà C trả cho họ số tiền hui thực đóng đã góp của 06 lần khai hui, gồm:

1. Ông Huỳnh Thanh J; địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, tham gia chơi 02 phần hui;

2. Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, tham gia chơi 01 phần hui;

3. Ông Trịnh Văn I; địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, tham gia chơi 01 phần hui;

4. Bà Trịnh Thu J; địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, tham gia chơi 01 phần hui;

5. Bà Bùi Thị K; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, tham gia chơi 01 phần hui;

6. Bà Thạch Thị L; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, tham gia chơi 01 phần hui;

7. Bà Nguyễn Thị Hồng M; địa chỉ: Ấp N, xã Long Thạnh, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, tham gia chơi 01 phần hui;

8. Ông Nguyễn Vũ O; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu, tham gia chơi 01 phần hui.

Hiện nay, ông E, bà Ê còn nợ ông B, bà C số tiền hui của dây hui nêu trên là 49.500.000 đồng.

Dây hui thứ hai: Mở ngày 30/10/2016 (âm lịch), loại hui tháng, mỗi tháng khai một lần, trị giá 1.000.000 đồng/01 chung hui, có 25 thành viên tham gia chơi 35 phần hui; bà Ê và ông E tham gia chơi 01 phần hui (danh sách hui ghi tên Vợ E số thứ tự số 07); bà Ê và ông E góp hui được 15 lần khai hui được bao nhiêu tiền thì ông B, bà C không xác định được. Đến kỳ mở hui thứ 16 (ngày 30/01/2018 âm lịch) bà Ê để số tiền 320.000 đồng hốt hui và lĩnh được số tiền hui là 27.920.000 đồng; giao tiền hui trên vào ngày 16/02/2018 âm lịch (có làm biên nhận có chữ ký của bà Ê). Sau khi hốt, bà Ê góp lại tiền hui chết 11 kỳ được tổng số tiền 11.000.000 đồng. Dây hui trên chưa mãn nhưng đã đình hui ngày 30/01/2019 (âm lịch). Sau khi đình hui, ông B, bà C có đóng thay cho bà Ê, ông E tiền hui chết cho bà Mai Thị P; địa chỉ: Ấp Q, xã R, huyện A, tỉnh Bạc Liêu 03 lần khai hui được số tiền 3.000.000 đồng. Khi giao tiền hui cho bà Mai Thị P thì không có làm biên nhận cho bà Mai Thị P ký nhận, trả cho bà Võ Thị S; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu số tiền 27.000.000 đồng và trả cho bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu số tiền hui 15.000.000 đồng.

Còn lại các hui viên chưa hốt hui đã khởi kiện tại Tòa án và đã giải quyết xong để yêu cầu ông B, bà C trả tiền hui; gồm có:

1. Ông Châu Văn U; địa chỉ: Ấp V, xã R, huyện A, tỉnh Bạc Liêu; khởi kiện 02 phần hội;

2. Bà Nguyễn Thị H (do bà Nguyễn Thị H mua hội của người nào thì ông B, bà C không nhớ); địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu; khởi kiện 01 phần hội.

Hiện nay, bà Ê, ông E còn nợ ông B, bà C số tiền hội 6.720.000 đồng.

Dây hội thứ ba: Mở ngày 15/04/2016 (âm lịch), loại hội tháng, mỗi tháng khai một lần, trị giá 1.000.000 đồng/01 chung hội, có 34 thành viên tham gia chơi 35 phần hội; bà Ê, ông E tham gia chơi 02 phần hội (danh sách hội ghi tên E số thứ tự số 20, 21); bà Ê, ông E góp hội được 17 lần được bao nhiêu tiền thì ông B, bà C không xác định được. Đến kỳ mở hội thứ 18 (ngày 15/9/2017 âm lịch) bà Ê để số tiền 320.000 đồng hót 01 phần hội; lĩnh được số tiền hội là 27.200.000 đồng; giao tiền hội trên có làm biên nhận có chữ ký của bà Ê. Sau khi hót, bà Ê góp lại tiền hội chết cho ông B, bà C nhưng ông B, bà C không còn nhớ bao nhiêu kỳ khai hội và bao nhiêu tiền; đến ngày 15/02/2018 (âm lịch), bà Ê để số tiền 320.000 đồng hót 01 phần hội còn lại; lĩnh được số tiền hội là 30.480.000 đồng; ông B, bà C giao tiền hội trên có làm biên nhận có chữ ký. Dây hội trên đã mãn vào ngày 15/1/2019 (âm lịch), ông B, bà C góp hội thay cho bà Ê, ông E 01 lần hội chết là 2.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thanh X; địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Hiện nay, bà Ê, ông E còn nợ ông B, bà C số tiền hội 2.000.000 đồng.

Đồng thời, ngày 16/01/2018 (âm lịch), ông B, bà C thừa nhận có vay của bà Ê, ông E số tiền 30.000.000 đồng; thỏa thuận lãi suất 01 tháng ông B, bà C trả cho bà Ê, ông E số tiền lãi suất 3.000.000 đồng/30.000.000 đồng; không có thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc. Hiện nay, ông B, bà C vẫn còn nợ bà Ê, ông E số tiền vay 30.000.000 đồng. Do vậy, ông B, bà C và bà Ê, ông E thỏa thuận từ ngày 17/3/2018 (âm lịch), ông B, bà C lấy tiền lãi suất hàng tháng 3.000.000 đồng trả cho bà Ê, ông E để đóng tiền hội chết cho 03 phần hội của 02 dây hội 1.000.000 đồng nêu trên. Tuy nhiên, ông B, bà C chỉ đồng ý lấy tiền lãi suất hàng tháng 3.000.000 đồng trả cho bà Ê, ông E để đóng tiền hội chết cho bà Ê, ông E đến cuối tháng 12/2018 (âm lịch) là 38.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông B và bà C thừa nhận ông B, bà C còn nợ bà Ê và ông E 02 phần hội của dây hội mùa mở ngày 30/8/2017 (âm lịch) và dây hội tháng mở ngày 10/01/2018 (âm lịch); cụ thể như sau:

Dây hội mở ngày 30/8/2017 (âm lịch), loại hội mùa, 04 tháng khai một lần, trị giá 3.000.000 đồng/01 chung hội, có 14 thành viên tham gia chơi 16 phần hội. Bà Ê và ông E tham gia chơi 01 phần hội (danh sách hội ghi tên vợ E số thứ tự số 11). Dây hội này mở được 05 kỳ khai hội, bà Ê và ông E đóng tiền hội của 05 kỳ khai hội đầy đủ được tổng số tiền 7.740.000 đồng (lần khai hội thứ nhất góp số tiền 1.800.000 đồng; lần khai thứ hai góp tiền hội 1.500.000 đồng; lần khai hội thứ ba góp tiền hội 1.540.000 đồng; lần khai hội thứ tư góp tiền hội 1.400.000 đồng và lần khai hội thứ năm góp tiền hội 1.500.000 đồng). Hiện nay, ông B và bà C vẫn còn nợ bà Ê và ông E 05 kỳ khai hội với tổng số tiền hội 7.740.000 đồng.

Dây hội mở ngày 10/01/2018 (âm lịch), loại hội tháng, mỗi tháng khai một lần, trị giá 1.000.000 đồng/01 chung hội, có 35 phần hội. Bà Ê và ông E tham gia chơi 01 phần hội. Dây hội này mở được 12 kỳ khai hội, bà Ê và ông E đóng tiền hội của 12 kỳ đầy đủ cho ông B, bà C được tổng số tiền 5.660.000 đồng nhưng ông B, bà C không nhớ số tiền cụ thể của 12 kỳ là bao nhiêu, ông B và bà C chỉ xác định tổng số tiền khai hội của 12 kỳ là 5.660.000 đồng. Bà Ê, ông E vẫn chưa hót 01 phần hội của dây hội này. Hiện nay, ông B, bà C vẫn còn nợ bà Ê, ông E 12 kỳ khai hội với tổng số tiền hội 5.660.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông B, bà C đã thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông E, bà Ê. Nay ông B, bà C yêu cầu ông E, bà Ê có nghĩa vụ trả cho ông B, bà C tổng số tiền hội của 03 dây hội nêu trên tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 58.220.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi suất từ ngày 30/01/2019 âm lịch (ngày dương lịch là 06/3/2019) đến ngày 20/05/2022 với mức lãi suất 10%/năm là 11.919.664 đồng. Ông B, bà C đồng ý trả tiền hội của 02 dây hội của ông E, bà Ê là 13.400.000 đồng và số tiền vay 30.000.000 đồng. Nhưng ông B và bà C không đồng ý trả tiền lãi suất cho ông E, bà Ê đối với khoản tiền vay 30.000.000 đồng là 11.493.000 đồng mà ông B, bà C yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất theo quy định của pháp luật để đối trừ vào số tiền vay còn nợ ông E, bà Ê.

*Đồng bị đơn bà Huỳnh Chúc Ê và ông Lý Quốc E trình bày:* Ông E và bà Ê thừa nhận có tham gia chơi 03 dây hội do ông B và bà C làm chủ hội, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Mở ngày 10/3/2017 (âm lịch), loại hội mùa, 04 tháng khai một lần, trị giá 10.000.000 đồng/01 chung hội, có 16 thành viên tham gia chơi 16 phần hội; ông E và bà Ê tham gia chơi 01 phần hội. Sau khi tham gia chơi hội, ông E và bà Ê đã hót một phần hội nhưng vào kỳ mở hội nào thì ông E và bà Ê không nhớ và cũng không nhớ để bao nhiêu tiền để hót phần hội; bà C và ông B đã giao tiền hội cho ông E và bà Ê nhận tiền hội và có ký tên nhận tiền hội của ông B và bà C theo đúng như biên nhận tiền là 91.500.000 đồng. Sau khi hót hội, ông E và bà Ê có đóng tiền hội cho ông B và bà C được 03 kỳ mở hội với tổng số tiền 30.000.000 đồng. Do ông B và bà C đình hội và không đến gom tiền hội nữa, chứ không phải ông E và bà Ê không đóng tiền hội cho ông B và bà C như ông B và bà C trình bày. Ông E và bà Ê thừa nhận còn nợ ông B và bà C số tiền 49.500.000 đồng như lời trình bày của ông B và bà C.

Dây hội thứ hai: Mở ngày 30/10/2016 (âm lịch), loại hội tháng, mỗi tháng khai một lần, trị giá 1.000.000 đồng/01 chung hội, có 35 thành viên tham gia chơi 35 phần hội; bà Ê có trực tiếp tham gia chơi 01 phần hội; ông E và bà Ê cũng đã hót phần hội xong nhưng hót hội vào kỳ mở hội nào và để bao nhiêu tiền hội thì ông E và bà Ê không còn nhớ nữa do thời gian quá lâu. Ông B và bà C đã giao đủ tiền hội cho bà Ê trực tiếp nhận nhưng không nhớ là bao nhiêu tiền. Sau khi hót hội xong, ông E và bà Ê đã đóng tiền hội đầy đủ cho ông B, bà C nhưng bà Ê, ông E không có chứng cứ gì chứng minh đã đóng hội đầy đủ cho ông B và bà C nên ông E và bà Ê thừa nhận còn nợ ông B và bà C số tiền hội 6.720.000 đồng.

Dây hội thứ ba: Mở hội ngày 15/4/2016 (âm lịch), loại hội tháng, mỗi tháng khai một lần, trị giá 1.000.000 đồng/01 chung hội, có 35 thành viên tham gia chơi 35 phần hội. Bà Ê có trực tiếp tham gia chơi 02 phần hội. Ông E, bà Ê cũng đã hót 02 phần hội xong rồi nhưng hót hội vào kỳ mở hội nào và để bao nhiêu tiền hội thì ông E, bà Ê không còn nhớ nữa do thời gian quá lâu. Ông B, bà C đã giao đủ tiền hội cho bà Ê trực tiếp nhận nhưng không nhớ là bao nhiêu tiền. Sau khi hót hội xong, ông E, bà Ê đã đóng tiền hội đầy đủ cho ông B, bà C nhưng bà Ê, ông E không có chứng cứ gì chứng minh đã đóng hội đầy đủ cho ông B, bà C cho dây hội nêu trên nên ông E, bà Ê thừa nhận còn nợ ông B, bà C số tiền 2.000.000 đồng như theo yêu cầu của ông B, bà C.

Đồng thời, ông B, bà C còn nợ ông E, bà Ê tiền của hội của 02 dây hội mà ông E, bà Ê tham gia chơi mà chưa hót hội, cụ thể như sau:

Dây hội mở ngày 30/8/2017 (âm lịch), loại hội mùa, 04 tháng khai một lần, trị giá 3.000.000 đồng/01 chung hội, có 16 thành viên tham gia chơi 16 phần hội. Ông E, bà Ê tham gia chơi 01 phần hội (danh sách hội ghi tên vợ E số thứ tự số 11). Dây hội này mở được 05 kỳ khai hội thì ông E, bà Ê đều đóng tiền hội của 05 kỳ khai hội đầy đủ cho ông B, bà C với tổng số tiền 7.740.000 đồng. Ông E, bà Ê chưa hót phần hội của dây hội này. Dây hội này chưa đến ngày mãn hội nhưng ông B, bà C đình hội. Sau khi đình hội vào tháng 4/2019 (âm lịch), các hội viên còn phần hội sống sẽ không tiếp tục ăn thua với nhau. Hiện nay, ông B, bà C còn nợ ông E, bà Ê số tiền hội 7.740.000 đồng.

Dây hội mở ngày 10/01/2018 (âm lịch), loại hội tháng, mỗi tháng khai một lần, trị giá 1.000.000 đồng/01 chung hội, có 34 phần hội. Ông E, bà Ê tham gia chơi 01 phần hội (danh sách hội ghi tên vợ E số thứ tự số 15). Dây hội này mở được 12 kỳ khai hội thì ông E, bà Ê đóng tiền hội của 12 kỳ cho ông B, bà C với tổng số tiền 5.660.000 đồng. Dây hội này chưa đến ngày mãn hội nhưng ông B, bà C đình hội. Sau khi đình hội vào tháng 4/2019 (âm lịch), các hội viên còn phần hội sống sẽ không tiếp tục ăn thua với nhau. Hiện nay, ông B, bà C còn ông E, bà Ê số tiền của hội là 5.660.000 đồng.

Vào ngày 16/01/2018 (âm lịch), ông B, bà C có vay của ông E, bà Ê số tiền 30.000.000 đồng; lãi suất hai bên thỏa thuận 500.000 đồng/tháng, ông B là người trực tiếp nhận tiền và ký biên nhận cho ông E, bà Ê. Ông B, bà C có đóng lãi suất ông E, bà Ê từ khi vay đến tháng 12/2018 (âm lịch) theo sự thừa nhận của ông B, bà C được số tiền 6.000.000 đồng. Từ tháng 01 năm 2019 (âm lịch) đến nay, ông B, bà C không có đóng tiền lãi suất cho ông E, bà Ê và cũng không có trả tiền gốc cho ông E, bà Ê. Hiện nay, ông B và bà C còn nợ tiền vay và tiền lãi của ông E và bà Ê, tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông E, bà Ê đồng ý trả cho ông B, bà C số tiền hội và tiền lãi suất mà ông B, bà C có căn cứ để chấp nhận. Nhưng ông E, bà Ê yêu cầu trừ căn qua lại giữa số tiền hội của ông E, bà Ê còn nợ của ông B, bà C vào số tiền vay 30.000.000 đồng, tiền hội của ông B, bà C còn nợ lại ông E, bà Ê; yêu cầu tính tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ đến từ tháng 01/2019 (âm lịch) đến ngày 08/02/2022 là 11.493.000 đồng và yêu cầu ông B, bà C trả tiền lãi suất cho đến khi trả xong. Sau khi

trừ lẫn với nhau mà ông E, bà Ê còn nợ lại tiền hụi của ông B và bà C thì ông E và bà Ê đồng ý trả số tiền hụi còn nợ lại.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B và bà C đối với ông E, bà Ê. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông E, bà Ê đối với ông B, bà C; buộc ông E, bà Ê có nghĩa vụ thanh toán cho ông B, bà C số tiền 18.819.801 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông B, bà C. Bà Ê, ông E phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Ông B, bà C khởi kiện ông E, bà Ê yêu cầu thanh toán tiền nợ hụi nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự về hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông E và bà Ê có địa chỉ cư trú tại ấp G, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa ông B, bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông E, bà Ê về việc ông B, bà C yêu cầu ông E, bà Ê trả tiền hụi của dây hụi mùa 10.000.000 đồng mở ngày 10/3/2017 (âm lịch), dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30/10/2016 (âm lịch), dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 15/4/2016 (âm lịch) và tiền lãi suất tính từ 30/01/2019 (âm lịch) đến ngày 11/02/2022 từ số tiền hụi và lãi suất là 80.523.500 đồng chỉ còn số tiền hụi và lãi suất là 70.139.664 đồng. Xét thấy, sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông B, bà C đối với ông E, bà Ê nêu trên không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông B, bà C đối với ông E, bà Ê.

[3] Về nội dung: Ông E, bà Ê thừa nhận có tham gia chơi dây hụi mở ngày 10/3/2017 (âm lịch), loại hụi mùa, 04 tháng khui một lần; dây hụi mở ngày 30/10/2016 (âm lịch), loại hụi tháng, mỗi tháng khui một lần và dây hụi mở ngày 15/4/2016 (âm lịch), loại hụi tháng, mỗi tháng khui một lần. Ông B và bà C thừa nhận còn nợ bà Ê và ông E dây hụi mở ngày 10/01/2018 (âm lịch), loại hụi tháng, mỗi khui một lần; dây hụi mở ngày 30/8/2017 (âm lịch), loại hụi mùa, 04 tháng khui một lần và số tiền vay 30.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện được ông E, bà Ê, ông B và bà C thừa nhận nên ông E, bà Ê, ông B và bà C không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[4] Ông B, bà C yêu cầu ông E, bà Ê trả tiền hội của dây hội mùa mở ngày 10/3/2017 (âm lịch) là 49.500.000 đồng, tiền hội của dây tháng mở ngày 30/10/2016 (âm lịch) là 6.720.000 đồng và tiền hội của dây hội tháng mở ngày 15/4/2016 (âm lịch) là 2.000.000 đồng; tổng số tiền hội là 58.220.000 đồng. Ông B, bà C đã chứng minh được thực hiện nghĩa vụ trả tiền hội thay cho ông E, bà Ê của dây hội mùa mở ngày 10/3/2017 (âm lịch) là 49.500.000 đồng và tiền hội của dây hội tháng mở ngày 15/4/2016 (âm lịch) là 2.000.000 đồng. Đồng thời, ông E, bà Ê cũng thừa nhận còn nợ ông B, bà C tiền hội của dây hội mùa mở ngày 10/3/2017 (âm lịch) là 49.500.000 đồng và tiền hội của dây hội tháng mở ngày 15/4/2016 (âm lịch) là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với dây hội tháng mở ngày 30/10/2016 (âm lịch), trị giá 1.000.000 đồng, ông B, bà C yêu cầu ông E, bà Ê trả số tiền hội 6.720.000 đồng. Ông B và bà C cho rằng đã đóng thay phần hội cho ông E, bà Ê cho bà Mai Thị P, có địa chỉ ở ấp Q, xã Đ, huyện A, tỉnh Bạc Liêu số tiền hội 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc giao nhận tiền hội cho bà P không có làm biên nhận, qua xác minh biết được bà P đã chết vào tháng 4/2020. Người nhà của bà P không biết gì về giao dịch chơi hội giữa bà P và ông B, bà C, chỉ biết bà P có tham gia chơi rất nhiều dây hội do ông B và bà C làm chủ hội; trước khi chết bà P cùng chủ hội ông B, bà C đã tổng kết tất cả các dây hội lại với nhau; ông B, bà C chỉ trả cho thân nhân của bà P được khoảng 03 tháng tiền hội, mỗi tháng trả số tiền 5.000.000 đồng; khoảng hơn 02 năm nay ông B, bà C không còn trả tiền hội cho thân nhân của bà P. Hiện nay, ông B, bà C vẫn chưa hoàn thành việc trả tiền hội đầy đủ cho thân nhân bà P. Do ông B, bà C chưa hoàn thành nghĩa vụ đóng hội của chủ hội đối với bà P nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận việc ông B, bà C trả tiền hội thay ông E, bà Ê cho bà P số tiền hội 3.000.000 đồng của dây hội này mà Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ xác định ông B, bà C trả tiền hội thay cho ông E, bà Ê số tiền hội là 3.720.000 đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông E, bà Ê trả cho ông B, bà C tổng số tiền hội của 03 dây hội nêu trên là 55.220.000 đồng.

[5] Xét thấy, các dây hội do ông B, bà C làm chủ là hội có lãi, việc giao dịch hội đã đình hội, ông E và bà Ê còn nợ tiền hội chết chưa góp cho ông B, bà C nên ông B, bà C yêu cầu ông E, bà Ê thanh toán tiền lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biêu phùng và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông B, bà C. Tuy nhiên, dây hội tháng mở ngày 15/4/2016 (âm lịch) ông E, bà Ê có nghĩa vụ trả cho ông B, C tiền hội chết là 2.000.000 đồng và dây hội tháng mở ngày 30/10/2016 (âm lịch), ông E, bà Ê có nghĩa vụ trả cho ông B, bà C số tiền hội là 3.720.000 đồng; trong đó có số tiền hội chết là 1.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ xác định số tiền hội ông B, bà C được yêu cầu tính lãi suất của dây hội mùa mở ngày 10/3/2017 (âm lịch) là 49.500.000 đồng và dây hội tháng mở ngày 30/10/2016 (âm lịch) là 2.720.000 đồng; tổng cộng số tiền 52.220.000 đồng. Ông B và bà C yêu cầu tính lãi suất từ ngày 30/01/2019 âm lịch (ngày dương lịch là 06/3/2019) đến ngày 20/5/2022 là 38 tháng 14 ngày x 0,83%/tháng x 52.220.000 đồng = 16.672.446 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc ông E, bà Ê trả cho ông B, bà C tổng số tiền hội và tiền lãi suất là 71.892.446 đồng.

[6] Ông B, bà C thừa nhận còn nợ ông E, bà Ê 01 chung hui sống mở ngày 30/8/2017 (âm lịch), loại hui mùa, 04 tháng khai một lần, đã góp được 05 lần bằng số tiền 7.740.000 đồng, 01 chung hui sống mở ngày 10/01/2018 (âm lịch), loại hui tháng, mỗi tháng khai một lần, đã góp được 12 lần bằng số tiền 5.660.000 đồng và nợ số tiền vay là 30.000.000 đồng; ông B, bà C đồng ý đối trừ vào tổng số tiền hui mà ông E, bà Ê còn nợ ông B, bà C. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông B, bà C còn nợ ông E, bà Ê số tiền hui của 02 dây hui nêu trên là 13.400.000 đồng và số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

[7] Ông E, bà Ê yêu cầu ông B, bà C trả tiền lãi suất của số tiền vay từ ngày 16/01/2019 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm và tiền lãi suất của số tiền hui từ ngày 30/01/2019 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm; ông B, bà C đồng ý trả cho ông E, bà Ê tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông B, bà C cho rằng đã thanh toán cho ông E, bà Ê tiền lãi suất của số tiền vay từ ngày 16/01/2018 (âm lịch) đến ngày 16/12/2018 (âm lịch) là 38.000.000 đồng; bằng hình thức lấy tiền lãi suất hàng tháng 3.000.000 đồng trừ vào số tiền hui chết của 02 dây hui mà ông E, bà Ê đã hốt và yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi suất của số tiền vay theo quy định của pháp luật. Ông E, bà Ê không thừa nhận có việc ông E, bà Ê với ông B, bà C có thỏa thuận lãi suất 10%/01 tháng mà ông E, bà Ê xác định ông B và bà C chỉ trả tiền lãi suất mỗi tháng trả 500.000 đồng từ ngày 16/01/2018 (âm lịch) đến ngày 16/12/2018 (âm lịch) được tổng số tiền 6.000.000 đồng. Nhưng ông B, bà C lại không có chứng cứ gì chứng minh đã thanh toán cho ông E, bà Ê số tiền lãi suất là 38.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định theo sự thừa nhận của ông E, bà Ê mỗi tháng ông B, bà C thanh toán tiền lãi suất là 500.000 đồng; được tổng số tiền lãi suất là 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, lãi suất hai bên thỏa thuận là vượt mức quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông B, bà C, điều chỉnh lại mức lãi suất của số tiền vay 30.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/tháng từ ngày 16/01/2018 (âm lịch) đến ngày 16/12/2018 (âm lịch) bằng  $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 2.739.000 \text{ đồng}$ ; ông B, bà C có nghĩa vụ thanh toán cho ông E, bà Ê số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật là 2.739.000 đồng; được đối trừ vào số tiền lãi suất là 6.000.000 đồng mà ông B, bà C đã thanh toán cho ông E, bà Ê thì ông B, bà C còn được hoàn lại số tiền lãi suất là 3.261.000 đồng; số tiền lãi suất này được đối trừ vào số tiền vay gốc 30.000.000 đồng nên ông B, bà C còn nợ ông E, bà Ê số tiền vay 26.739.000 đồng. Ông E, bà Ê yêu cầu tính tiền lãi suất của số tiền vay 26.739.000 đồng từ ngày 16/01/2019 âm lịch (ngày dương lịch là 20/02/2019) đến ngày 20/5/2022 là  $26.739.000 \text{ đồng} \times 39 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 8.655.387 \text{ đồng}$ . Ông E, bà Ê yêu cầu tính tiền lãi của số tiền hui 13.400.000 đồng từ ngày 30/01/2019 âm lịch (ngày dương lịch 06/3/2019) đến ngày 20/5/2022 là  $13.400.000 \text{ đồng} \times 38 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 4.278.258 \text{ đồng}$ . Như vậy, tổng số tiền ông B, bà C có nghĩa vụ thanh toán cho ông E, bà Ê là 53.072.645 đồng.

[7] Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà C đối với ông E, bà Ê; chấp nhận yêu cầu phản tố của ông E, bà Ê đối với ông B, bà C. Sau khi đối trừ với số tiền ông B, C còn nợ ông E và bà Ê thì ông E, bà Ê còn phải

thanh toán cho ông B, bà C số tiền bằng 71.892.446 đồng - 53.072.645 đồng = 18.819.801 đồng.

[8] Về án phí: Ông B, bà C phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu phản tố của ông E và bà Ê được Tòa án chấp nhận bằng 53.072.645 đồng x 5% = 2.653.632 đồng nhưng ông B, bà C là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông A, bà C theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông E, bà Ê phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của ông B, bà C được Tòa án chấp nhận bằng 5% x 71.892.446 đồng = 3.594.622 đồng. Ông E, bà Ê đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.364.825 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000841 ngày 11/02/2022 nên được chuyển thu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.364.825 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng); ông E, bà Ê còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.229.797 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 15, khoản 3 Điều 16, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hộ, biên phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, bà Cao Thị C đối với ông Lý Quốc E và bà Huỳnh Chúc Ê về việc tranh chấp hộ.

**2.** Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lý Quốc E, bà Huỳnh Chúc Ê đối với ông Nguyễn Văn B, bà Cao Thị C.

**3.** Buộc ông Lý Quốc E, bà Huỳnh Chúc Ê có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn B, bà Cao Thị C số tiền 18.819.801 đồng (Mười tám triệu tám trăm mười chín nghìn tám trăm lẻ một đồng).

**4.** Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Nguyễn Văn B, bà Cao Thị C. Ông Lý Quốc E, bà Huỳnh Chúc Ê phải nộp 3.594.622 đồng (Ba triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Ông Lý Quốc E, bà Huỳnh Chúc Ê đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.364.825 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000841 ngày 11/02/2022 nên được chuyển thu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.364.825 đồng (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng); ông Lý Quốc E, bà Huỳnh Chúc Ê còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.229.797 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- CCTHADS huyện A, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**Dương Hồng Chi**